



kè zuò

客座

adjective · guest (professor, editor, etc.)

Example Sentences

Zá zhì yāo qǐng le yī wèi kè zuò biān jí
杂志邀请了一位客座编辑。

The magazine invited a guest editor.

zhè wèi kè zuò yán jiū yuán jiāng zài wǒ men shí yàn shì gōng zuò sān gè yuè
这位客座研究员将在我们实验室工作三个月。

This guest researcher will work in our lab for three months.

Trace each character, then write the word on your own.

客	客	客	客	客	客	客	客	客	客	客
客										
座	座	座	座	座	座	座	座	座	座	座
座	座									